



61

Hương án lớn ở tòa Thiệu Hương (chùa Bút Tháp)

Đánh giá hoạt động 4:

Bạn hãy tập hợp sản phẩm thực hành của nhóm hoặc của lớp rồi dựa vào tiêu chí đánh giá bài tập nặn và tạo dáng để thảo luận, nhận xét đánh giá sản phẩm thực hành của các thành viên.

Thông tin phản hồi cho các hoạt động 1,2,3,4:

Chất lượng của sản phẩm các bài thực hành: tập nặn quả, tạo dáng con vật, tạo dáng người và chép phù điêu đơn giản là thước đo kết quả học tập của bạn. Bạn hãy dựa vào yêu cầu cụ thể của từng bài và ý kiến nhận xét của nhóm hoặc của lớp để đánh giá kết quả học tập của mình.

V.ĐÁNH GIÁ SAU KHI HỌC XONG TIỂU MÔ ĐUN

Mĩ thuật nói chung, vẽ tranh, tập nặn và tạo dáng nói riêng là môn thực hành, nên việc đánh giá tiểu mô đun này cũng được thực hiện qua các bài thực hành, ở đó bạn đã vận dụng tất cả tri thức, kinh nghiệm có được trong quá trình học tập của mình, vì vậy kết quả bài thực hành của bạn đã phản ánh đúng khả năng học tập của bạn. Vấn đề ở chỗ, bạn đã thực sự nghiêm túc để nhận xét, đánh giá cái được và chưa được về kết quả học tập của mình chưa? Để có được điều này, bạn hãy cùng đồng nghiệp thảo luận, đánh giá thật rõ ràng, khách quan.

THƯỜNG THỨC MĨ THUẬT VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC MĨ THUẬT

I. 45 TIẾT (30, 15)

I. MỤC TIÊU

Kiến thức

- Hiểu biết thêm về lịch sử mỹ thuật Việt Nam, về cuộc đời - sự nghiệp và những đóng góp to lớn cho nền văn hoá - nghệ thuật của một số họa sĩ tiêu biểu Việt Nam và thế giới.
- Hiểu được vẻ đẹp một số tác phẩm mỹ thuật và tranh thiếu nhi.
- Nắm được phương pháp dạy-học mỹ thuật ở tiểu học.

Kỹ năng

- Cảm thụ tác phẩm mỹ thuật và tranh thiếu nhi.
- Vận dụng phương pháp dạy - học mỹ thuật ở trường phổ thông.
- Tổ chức được các hoạt động chủ yếu trong bài dạy mỹ thuật chính khoá và ngoại khoá.
- Thiết kế được bài dạy mỹ thuật và thực hiện các thao tác thực hành sư phạm.

Thái độ

- Yêu quý văn hóa truyền thống của dân tộc; tôn trọng các tác phẩm nghệ thuật của Việt Nam và thế giới.
- Chủ động, sáng tạo trong dạy-học mỹ thuật.

II. GIỚI THIỆU TIỂU MÔ ĐUN

- Thời gian cần thiết để hoàn thành tiểu mô đun : 45 tiết.
- Tiểu mô đun này gồm 2 phần:
 - Phần 1: Thường thức mỹ thuật (15 tiết)
 - Phần 2: Phương pháp dạy - học mỹ thuật (30 tiết)

TT	Phần	Chủ đề	Số tiết	Trang
1	Thường thức mỹ thuật	Giới thiệu mỹ thuật Việt Nam	9 (6, 3)	108
		Giới thiệu sơ lược một số họa sĩ tiêu biểu của mỹ thuật thế giới	6 (5, 1)	159
2	Phương pháp dạy-học mỹ thuật	Môn MT ở trường tiểu học và phương pháp dạy-học mỹ thuật	15 (10, 5)	177
		Thực hành sư phạm	15 (5,10)	205

III. TÀI LIỆU VÀ THIẾT BỊ ĐỂ THỰC HIỆN TIỂU MÔ ĐUN

III.1. Tài liệu

III.1.1. Tài liệu in

- 8 nghệ sĩ tạo hình được giải thưởng Hồ Chí Minh, NXB Mỹ thuật, năm 1997.
- Nguyễn Bá Vân, Chu Quang Trứ, *Tranh dân gian Việt Nam*, NXB Văn hoá, 1984.
- *Từ điển thuật ngữ mỹ thuật phổ thông*, NXB Giáo dục, 2002.
- *Sách giáo khoa, sách giáo viên, vở bài tập Mỹ thuật lớp 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục.
- Chu Quang Trứ, Phạm Thị Chinh, Nguyễn Thái Lai, *Lược sử Mỹ thuật và Mỹ thuật học*, NXB Giáo dục, 1998.
- Nguyễn Quốc Toàn, Triệu Khắc Lễ, Nguyễn Lăng Bình, *Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật tiểu học - Tập 1, 2, 3*, NXB Giáo dục 1998, 1999.
- *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên*, NXB Giáo dục, 2004.
- *Tập tranh vẽ thiếu nhi*, NXB Kim Đồng, NXB Giáo dục, NXB VH-TT.

1.2. Tài liệu băng hình, băng tiếng

Băng hình

- *Phương pháp hướng dẫn thực hành bài xé dán.*
- *Các hoạt động dạy-học trong một giờ dạy vẽ theo mẫu.*

III.2. Thiết bị

Đầu máy Video hoặc đầu máy CD, ti-vi màn hình rộng.

IV. NỘI DUNG

Phần 1 : THƯỜNG THỨC MỸ THUẬT

Thời gian: 15 tiết

Chủ đề 1 GIỚI THIỆU MỸ THUẬT VIỆT NAM

Thời gian: 9 tiết (6, 3)

1. Hoạt động

Hoạt động 1: Tìm hiểu mỹ thuật Việt Nam thời kì cổ đại và thời kì xây dựng - bảo vệ quốc gia phong kiến độc lập
Thời gian: 3 tiết



Thông tin cho hoạt động 1

1. Mỹ thuật Việt Nam thời cổ đại

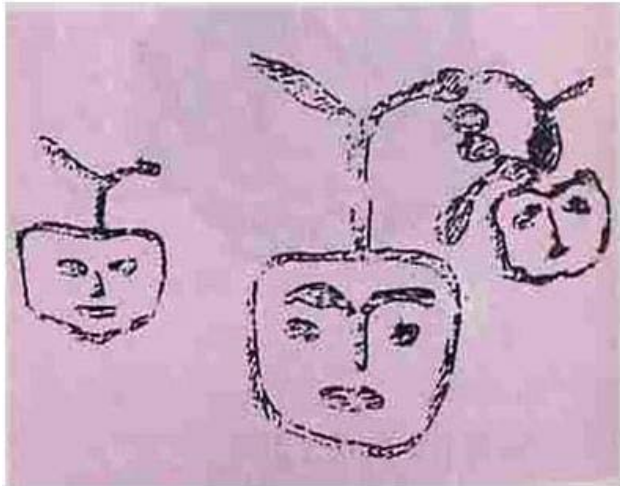
Mỹ thuật cổ đại nước ta có thể chia hai thời kì:

- Thời đồ đá (còn gọi là thời nguyên thủy, cách nay khoảng hàng vạn năm).
- Thời đồ đồng (còn gọi là thời Hùng Vương dựng nước, cách nay khoảng 4000 - 5000 năm).

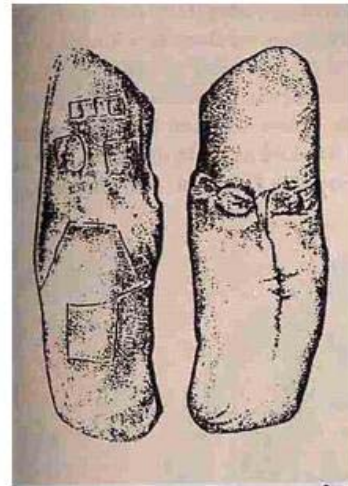
1.1. Sơ lược mỹ thuật Việt Nam thời đồ đá

- Ở thời kì này, người nguyên thủy đã biết tạo ra công cụ lao động bằng đá và có ý thức tìm tòi hình dáng để thích ứng khi sử dụng, sau này họ còn quan tâm đến mặt thẩm mỹ trong việc chế tác các công cụ trên. Việc phát hiện và chế tạo ra đồ gốm đã tạo điều kiện cho sự phát triển trang trí và tạo hình của người Việt cổ, làm nền tảng cho nghệ thuật trang trí đồ gốm và đồ đồng sau này.

- Mĩ thuật thời đồ đá được thể hiện qua các di vật như: công cụ lao động bằng đá, đồ gốm, đồ trang sức (bằng vỏ ốc biển mài thủng lỗ, hạt chuỗi bằng đất nung, bằng phiến đá có lỗ), thổ hoàng (đất màu vàng để vẽ lên người trong các buổi tế lễ, vẽ trên vỏ ốc, trên riu đá, trên đồ gốm), hình khắc mặt người, các con thú, lá cây trên vách đá, vách hang, trên đá cuội, ... Những di vật trên được tìm thấy tại Núi Đọ (Thanh Hóa), hang Đồng Nội (Hoà Bình), Bắc Sơn, Quỳnh Văn (đồng bằng ven biển miền Trung), ... có đặc điểm: công cụ lao động còn thô sơ, đơn giản nhưng có hình thể nhất định; hình mặt người khắc trên vách hang Đồng Nội có đường nét dứt khoát, hình rõ ràng, cách sắp xếp cân xứng; đồ gốm còn thô, dần dần có nhiều hình dạng và hoa văn phong phú, ...



Hình khắc trên vách hang Đồng Nội (Hoà Bình)



Viên đá có khắc hình mặt người (Nà-Ca, Thái Nguyên)

1.2. Sơ lược mĩ thuật Việt Nam thời đồ đồng (gồm các giai đoạn Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun và Đông sơn)

- Ngay trong thời các vua Hùng, tổ tiên chúng ta đã xây dựng một nền văn minh trước khi người Hán xâm nhập, khởi đầu từ khoảng giữa thiên niên kỉ III trước công nguyên, gồm bốn giai đoạn kế tiếp từ thấp đến cao là: *Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun* và đỉnh cao là thời *Đông sơn*. Trong thời đồ đồng, sự hình thành của nghề luyện kim (đồng và sắt) đã thay đổi cơ bản xã hội của người Việt cổ: chuyển từ xã hội nguyên thủy sang xã hội văn minh.

- Mĩ thuật giai đoạn *Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun*

+ Mĩ thuật giai đoạn *Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun* được thể hiện qua các di vật như riu, đục, đồ gốm, đồ trang sức bằng đá, bằng đồng, ... được tìm thấy tại Phùng nguyên (Phú Thọ), Đồng Đậu (Vĩnh Phúc), Gò Mun (Phú Thọ), ... có đặc điểm: công cụ lao động đều gọt tinh vi, nhiều loại hình phong phú, sinh động; đồ gốm được chế tạo bằng bàn xoay, có dáng đẹp, chắc khỏe, hình trang trí phong phú, đa dạng; đồ trang sức bằng đồng, bằng đá, ... của giai đoạn sau được làm theo mẫu của giai đoạn trước.

Hoa văn trang trí ở giai đoạn này là những hoa văn đơn giản như vòng tròn đồng tâm, vòng tròn có tiếp tuyến, hoa văn chữ S đơn hay kép được cách điệu, lặp đi lặp lại thành dải dài hoặc được đơn giản hóa thành những hình tam giác, chữ nhật, hình tròn. Những hoa văn trên là kết quả của hàng vạn năm lao động tìm tòi của người xưa, các nghệ nhân đã kế thừa và nắm vững nguyên tắc căn bản của nghệ thuật trang trí là: nhắc lại, xen kẽ, đối xứng nên đã tạo ra được sự hài hòa, làm tiền đề cho sự phát triển mỹ thuật *Đông Sơn* sau này.

- Mỹ thuật giai đoạn *Đông Sơn*

+ Mỹ thuật giai đoạn *Đông Sơn* được thể hiện qua các di vật như đồ trang sức, đồ gốm và những đồ vật bằng đồng như: rìu, dao găm, mũi tên, trống, thạp, đồ gia dụng, ... được tìm thấy ở Duy Tiên, Kim Bảng (Hà Nam), Đông Sơn (Thanh Hoá), Làng Vạc (Nghệ Tĩnh), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Dốc Chùa (lưu vực sông Đồng Nai), một số vùng như nam Trung Hoa, vùng Đông Nam Á như Thái Lan,có đặc điểm: thể loại đồ đồng đa dạng, được trang trí tinh tế, đặc biệt trống đồng Đông Sơn đạt tới đỉnh cao về chế tác, về cách tạo dáng và nghệ thuật trang trí chạm khắc. Trống đồng Đông Sơn có giá trị như một bộ sử bằng hình ảnh phản ánh cuộc sống lao động, chiến đấu và những hình thức tín ngưỡng, vui chơi của cư dân thời Hùng Vương.

Hoa văn trang trí *Đông Sơn* mang truyền thống của các giai đoạn trước nhưng mang tính biểu tượng, ước lệ và cách điệu cao, các đường nét hoa văn khúc triết, gồm các hoa văn hình học, hình chữ S, hình người, chim, thú, nhà, thuyền, ... hình người được tả ở tư thế đầu và chân nhìn nghiêng, thân nhìn thẳng, thấy cả hai vai; các con vật khác đều được tả ở tư thế nhìn nghiêng.

Khi miền Bắc được giải phóng, chúng ta đã tiến hành khai quật và phát hiện ở vùng đất tổ Hùng Vương những di chỉ của các giai đoạn thời kỳ dựng nước như *Phùng Nguyên*, *Đồng Đậu*, *Gò Mun*, đã chứng minh hùng hồn sự phát triển của nền văn hóa nội địa mà tổ tiên chúng ta đã sáng tạo liên mạch cho đến giai đoạn văn hóa *Đông Sơn*, đã phá thuyết thiên di cho rằng văn hóa *Đông Sơn* do nước ngoài đem lại.



Thạp Đào Thịnh
(văn hóa Đông Sơn)



Muôi đồng có pho tượng nhỏ hình người đang thổi kèn (văn hóa Đông Sơn)

Tìm hiểu vài nét về cách trang trí hoa văn trên mặt trống đồng Ngọc Lũ (Nam Hà) Đông Sơn (xem hình 63, trang 102)

Trống cao 63 cm, có bốn quai to, đường kính mặt trống là 86cm. Trên mặt trống và tang trống đều có hình khắc chìm mang tính khái quát, biểu tượng, ước lệ và cách điệu cao, các đường nét hoa văn khúc triết, đơn giản nhưng sinh động, tự nhiên: ở giữa mặt trống là hình mặt trời (hay ngôi sao) mười bốn tia, xung quanh có mười hai vành đồng tâm, mỗi vành đều có hình trang trí, trong đó có ba vành được trang trí hình người và vật: một vành có hình khắc phản ánh một số nét về đời sống người Việt cổ, một vành có hình hươu và chim xen kẽ, một vành có hình loại chim ăn cá, con đứng, con bay, một số nhà khảo cổ học cho rằng những hình chim trang trí trên mặt trống là chim lạc, vật tổ của người Lạc Việt...

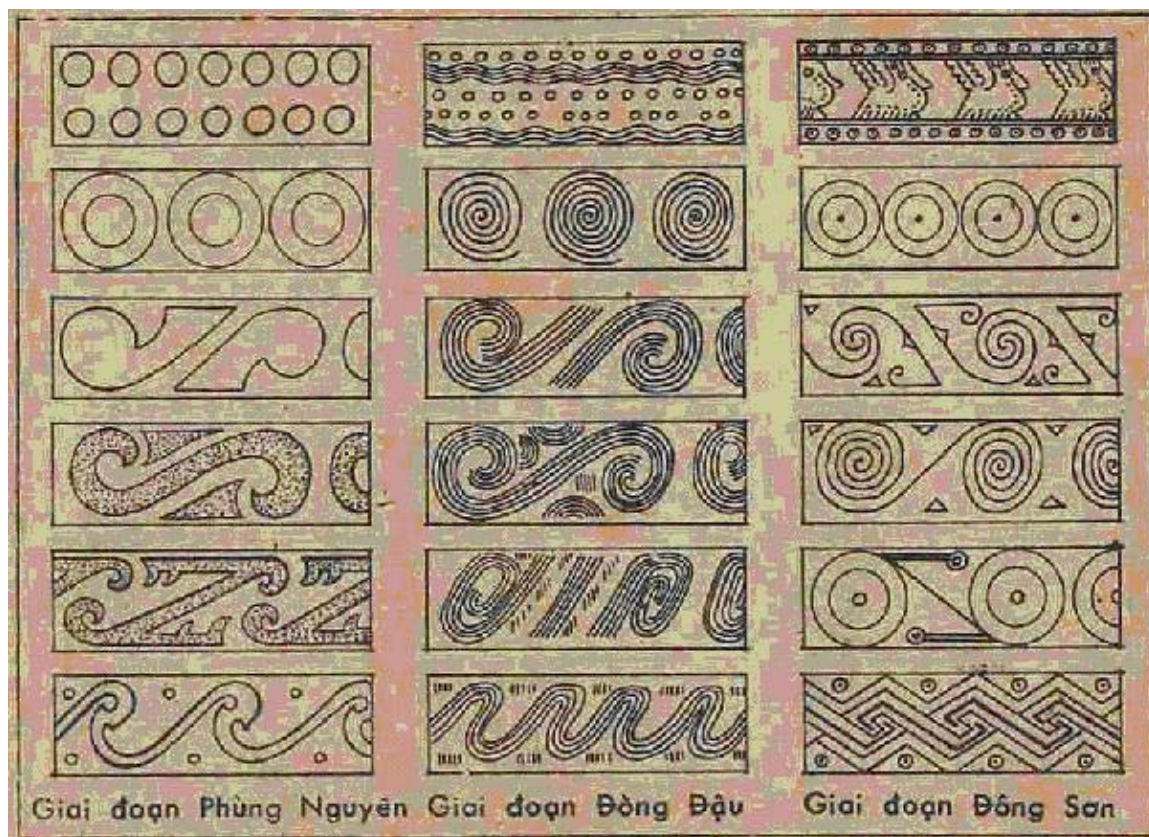
Trống đồng Ngọc Lũ là một sản phẩm lao động, một tác phẩm nghệ thuật tiêu biểu cho tài năng sáng tạo tuyệt vời của người Việt cổ.





63

Trống đồng Ngọc Lũ và mặt trống đồng Ngọc Lũ (văn hóa Đông Sơn)



H

*Hoa văn trên gốm thời đồ đồng
(hình trong tài liệu Lịch sử mỹ thuật Việt Nam, tác giả Nguyễn Phi Hoanh)*



Hình nhà khắc trên trống đồng Ngọc Lũ 1 (văn hóa Đông Sơn)

2. Mĩ thuật Việt Nam thời kì xây dựng - bảo vệ quốc gia phong kiến độc lập (từ đầu thế kỉ XI đến đầu thế kỉ XX)

Mĩ thuật Văn Lang-Âu Lạc có nền móng vững chắc nên mặc dù bị suy tàn bởi sự tàn phá và âm mưu đồng hoá thâm độc của xâm lược phương Bắc nhưng vẫn tồn tại ngấm trong suốt thời kì Bắc thuộc để sang thời kì xây dựng - bảo vệ quốc gia phong kiến độc lập, nền mĩ thuật đó được khôi phục và phát triển đến đỉnh cao, thể hiện qua các công trình kiến trúc, điêu khắc, đồ gốm, hội hoạ, ...

Thời kì xây dựng - bảo vệ quốc gia phong kiến độc lập trải qua nhiều triều đại, mĩ thuật mỗi triều đại có một phong cách riêng nhưng đều mang đậm nét truyền thống văn hoá dân tộc.

2.1. Kiến trúc

a) Kiến trúc kinh thành

- Một số công trình tiêu biểu: *Thành Thăng Long* (Hà Nội), *khu cung điện Thiên Trường* (Nam Định), *khu cung điện Lam Kinh* (Thanh Hoá), *kinh đô* (Huế), ...

- Kiến trúc kinh thành có đặc điểm sau:

- + Kiến trúc đa dạng, độc đáo với qui mô to lớn, chắc chắn, thường hoà hợp với cảnh trí thiên nhiên xung quanh.
- + Các công trình được trang trí với nhiều loại hình phong phú, đặc sắc.
- + Vật liệu xây dựng đa phần bằng đá, gạch, gỗ, ...



Dấu tích kiến trúc thành Thăng Long thời Lý, TK.XI- XIII (khai quật tháng 12-2002)



Kinh đô Huế TK.XIX

b) Kiến trúc tôn giáo (chùa, tháp)

- Một số công trình tiêu biểu: *Chùa Diên Hựu* (hay gọi là chùa *Một Cột* - Hà Nội) TK.XI-XII, *chùa Phật Tích* (Bắc Ninh) TK.XI, *chùa Thầy* (Hà Tây) TK.XVII, *chùa Tây Phương* (Hà Tây) TK.XIX, *chùa Thiên Mụ* (Huế) TK.XIX, ... *tháp Chương Sơn* (Hà Nam) TK.XI-XII, *tháp Phổ Minh* (Nam Định) TK.XIII-XIV, ... nhóm tháp *Chiêu Đàn* (Tam kỳ, Quảng Nam), *Hòa Lai* (Phan Rang), ... của người Chăm.

- Kiến trúc chùa, tháp có đặc điểm sau:

- + Trước chùa thường có cửa tam quan hoặc gác chuông.
- + Kiến trúc tháp cao tầng, các tầng càng lên cao càng thu nhỏ lại.
- + Kiến trúc chùa và tháp có hình dáng, đường nét hài hòa, phong cách trang trí phong phú, đặc sắc.

+ Vật liệu xây dựng chủ yếu là gỗ và gạch, ... đặc biệt kiến trúc tháp Chàm được xây dựng bằng gạch xếp gắn chồng khít lên nhau, giữa các viên gạch không thấy có hồ vữa mà vẫn bền vững qua hàng mấy trăm năm thậm chí hơn nghìn năm.



Chùa Một Cột (Hà Nội) TK.XI-XII (đã trùng tu)



(chùa Trăm Gian-Hà Tây), TK XVIII